

Số: 61 /QĐ-TTYTYM

Yên Mô, ngày 21 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục hồ sơ  
của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô năm 2024**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN MÔ**

*Căn cứ Luật số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội về Luật lưu trữ; Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;*

*Căn cứ Thông tư 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản tài liệu;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức và lao động tỉnh Ninh Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô trực thuộc Sở Y tế Ninh Bình;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Danh mục hồ sơ của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô năm 2024”.

**Điều 2.** Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công, cán bộ, viên chức có tên trong danh mục hồ sơ khi giải quyết công việc có trách nhiệm lập hồ sơ công việc; bổ sung những hồ sơ phát sinh đột xuất trong năm vào danh mục hồ sơ (nếu chưa có); bảo quản và giao nộp vào Lưu trữ hiện hành của cơ quan theo quy định

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Trưởng các khoa, phòng, trạm Y tế và viên chức Trung tâm Y tế huyện Yên Mô có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở Y tế (b/c);
- Các khoa, phòng, TYT;
- Lưu: VT, TCHC.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Khánh**



**SỞ Y TẾ NINH BÌNH**  
**TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN MÔ**

**DANH MỤC HỒ SƠ**  
**TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN MÔ NĂM 2024**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/QĐ-TTYYTM  
ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô)

| Số và ký hiệu hồ sơ                  | Tiêu đề hồ sơ                                                                                                | Thời hạn bảo quản   | Người lập hồ sơ     | Ghi chú |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------|
| 1                                    | 2                                                                                                            | 3                   | 4                   | 5       |
| <b>I. PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH</b> |                                                                                                              |                     |                     |         |
|                                      | <b>1. Tổng hợp</b>                                                                                           |                     |                     |         |
| 01/TCHC                              | Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức năm 2024                                                                     | 20 năm              | Đinh Thị Phương Anh |         |
| 02/TCHC                              | Hồ sơ Tổ chức Ngày Thầy thuốc VN 27/02                                                                       | 20 năm              | Đinh Thị Phương Anh |         |
|                                      | <b>2. Tổ chức cán bộ, nhân sự</b>                                                                            |                     |                     |         |
| 03/TCHC                              | Hồ sơ xây dựng ban hành tiêu chuẩn, chức danh, cơ cấu, vị trí làm việc của viên chức Trung tâm Y tế hàng năm | Vĩnh viễn           | Trương Thị Hoa      |         |
| 04/TCHC                              | - Hồ sơ kế hoạch phát triển nguồn nhân lực:<br>+ Hàng năm<br>+ Dài hạn                                       | 20 năm<br>Vĩnh viễn | Trương Thị Hoa      |         |
| 05/TCHC                              | Hồ sơ về xây dựng và thực hiện chỉ tiêu biên chế                                                             | Vĩnh viễn           | Trương Thị Hoa      |         |
| 06/TCHC                              | Báo cáo thống kê danh sách, số lượng, chất lượng cán bộ                                                      | 20 năm              | Trương Thị Hoa      |         |
| 07/TCHC                              | Hồ sơ về quy hoạch cán bộ viên chức                                                                          | 20 năm              | Trương Thị Hoa      |         |
| 08/TCHC                              | Hồ sơ về bổ nhiệm viên chức                                                                                  | 70 năm              | Trương Thị Hoa      |         |
| 09/TCHC                              | Hồ sơ gốc cán bộ viên chức                                                                                   | Vĩnh viễn           | Đinh Thị Phương Anh |         |
| 10/TCHC                              | Hồ sơ về điều động, biệt phái viên chức                                                                      | 70 năm              | Đinh Thị Phương Anh |         |

|                               |                                                                                                              |                              |                     |  |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------|--|
| 11/TCHC                       | Hồ sơ chuyển công tác, từ chức, nghỉ hưu, thôi việc, tử tuất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp             | 70 năm                       | Trương Thị Hoa      |  |
| 12/TCHC                       | Hồ sơ Kế hoạch, báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức dài hạn                                 | Vĩnh viễn                    | Trương Thị Hoa      |  |
| 13/TCHC                       | Hợp đồng lao động vụ việc, có thời hạn                                                                       | 20 năm                       | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 14/TCHC                       | Hồ sơ kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng CBVC                                                      | 10 năm                       | Trương Thị Hoa      |  |
| 15/TCHC                       | Hồ sơ xây dựng chế độ bảo hộ, an toàn vệ sinh lao động                                                       | 20 năm                       | Trương Thị Hoa      |  |
| 16/TCHC                       | Hồ sơ khám sức khỏe CCVC, người lao động                                                                     | 20 năm                       | Bùi Thị Thuý Hoà    |  |
| 17/TCHC                       | Hồ sơ kết quả đánh giá CCVC hàng năm                                                                         | Vĩnh viễn                    | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 18/TCHC                       | Hồ sơ báo cáo thống kê nhân lực tổ chức                                                                      | 20 năm                       | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 19/TCHC                       | Hồ sơ về nâng lương hàng năm CBVC                                                                            | 20 năm                       | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 20/TCHC                       | Hồ sơ về thực hiện chế độ nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc cho cán bộ, công chức                   | 70 năm                       | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 21/TCHC                       | Kế hoạch, báo cáo công tác lao động, tiền lương<br>- Dài hạn, hàng năm<br>- 6 tháng, 9 tháng<br>- Quý, tháng | Vĩnh viễn<br>20 năm<br>5 năm | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 22/TCHC                       | Thông báo tuyển sinh của các trường Đại học, cao đẳng                                                        | 5 năm                        | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 23/TCHC                       | Tập công văn trao đổi về tổ chức cán bộ                                                                      | 5 năm                        | Trương Thị Hoa      |  |
| <b>3. Thi đua khen thưởng</b> |                                                                                                              |                              |                     |  |
| 24/TCHC                       | Hồ sơ công tác khen thưởng hàng năm                                                                          | 20 năm                       | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 25/TCHC                       | Hồ sơ đăng ký thi đua hàng năm                                                                               | 20 năm                       | Đinh Thị Phương Anh |  |
| 26/TCHC                       | Hồ sơ ban hành quy chế thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật                                                    | Vĩnh viễn                    | Đinh Thị Phương Anh |  |

|         |                                                                                                                            |                         |                     |                         |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|-------------------------|
| 27/TCHC | Công văn trao đổi về công tác thi đua khen thưởng                                                                          | 10 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |                         |
|         | .....                                                                                                                      |                         |                     | Hồ sơ dự kiến phát sinh |
|         | <b>4. Văn thư - Lưu trữ</b>                                                                                                |                         |                     |                         |
| 28/TCHC | Tập văn bản chỉ đạo cấp trên về công tác văn thư lưu trữ                                                                   | Theo thời hạn của hồ sơ | Đinh Thị Phương Anh | Hồ sơ nguyên tắc        |
| 29/TCHC | Hồ sơ về ban hành Danh mục hồ sơ năm                                                                                       | Vĩnh viễn               | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 30/TCHC | Hồ sơ về việc triển khai thực hiện văn bản                                                                                 | 20 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 31/TCHC | Hồ sơ kế hoạch công tác Văn thư-Lưu trữ năm                                                                                | 20 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 32/TCHC | Tập lưu, sổ theo dõi văn bản đi của Trung tâm Y tế<br>- Quyết định, quy định, quy chế hướng dẫn.<br>- Tập lưu văn bản khác | Vĩnh viễn<br>50 năm     | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 33/TCHC | Sổ đăng ký văn bản đến                                                                                                     | 20 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 34/TCHC | Hồ sơ về quản lý và sử dụng con dấu                                                                                        | 20 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 35/TCHC | Hồ sơ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước                                                                                      | Vĩnh viễn               | Đinh Thị Phương Anh |                         |
|         | <b>5. Công tác CCHC</b>                                                                                                    |                         |                     |                         |
| 36/TCHC | Hồ sơ kế hoạch cải cách hành chính năm                                                                                     | Vĩnh viễn               | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 37/TCHC | Hồ sơ báo cáo công tác cải cách hành chính                                                                                 | Vĩnh viễn               | Đinh Thị Phương Anh |                         |
| 38/TCHC | Hồ sơ kiểm tra công tác CCHC                                                                                               | Vĩnh viễn               | Đinh Thị Phương Anh |                         |
|         | <b>6. Công tác quản trị công sở</b>                                                                                        |                         |                     |                         |
| 39/TCHC | Hồ sơ thực hiện công tác dân vận chính quyền                                                                               | 20 năm                  | Trương Thị Hoa      |                         |
| 40/TCHC | Hồ sơ công tác dân quân tự vệ                                                                                              | 10 năm                  | Lê Quốc Huy         |                         |
| 41/TCHC | Hồ sơ xây dựng cơ quan đạt tiêu chuẩn ATANTT                                                                               | 20 năm                  | Trương Thị Hoa      |                         |

|                                                    |                                                                                                                        |                     |                     |                    |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|
| 42/TCHC                                            | Hồ sơ công tác hưởng ứng ngày pháp luật Việt Nam                                                                       | 20 năm              | Trương Thị Hoa      |                    |
| 43/TCHC                                            | Công văn trao đổi, nhận đề theo dõi                                                                                    | 5 năm               | Đinh Thị Phương Anh |                    |
| 44/TCHC                                            | Hồ sơ báo cáo về kiểm kê tài sản hàng năm                                                                              | 10 năm              | Đinh Thị Phương Anh |                    |
| 45/TCHC                                            | Hồ sơ về phòng chống cháy, nổ                                                                                          | 10 năm              | Đinh Thị Phương Anh |                    |
| 46/TCHC                                            | Hồ sơ về công tác Quốc phòng - An ninh                                                                                 | 20 năm              | Đinh Thị Phương Anh |                    |
| 47/TCHC                                            | Hồ sơ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo về hoạt động đường dây nóng<br>- Vụ việc nghiêm trọng<br>- Vụ việc khác | Vĩnh viễn<br>15 năm | Trương Thị Hoa      |                    |
| 48/TCHC                                            | Tài liệu về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân<br>- Báo cáo năm<br>- Tài liệu khác                                   | Vĩnh viễn<br>5 năm  | Nguyễn Xuân Linh    |                    |
| 49/TCHC                                            | Hồ sơ đổi mới phong cách thái độ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh                                  | 20 năm              | Phạm Thị Quy        |                    |
| 50/TCHC                                            | Hồ sơ triển khai cơ sở y tế Xanh-Sạch- Đẹp                                                                             | 20 năm              | Phạm Thị Quy        |                    |
| 51/TCHC                                            | Hồ sơ minh bạch tài sản, kê khai tài sản, thu thập                                                                     | 20 năm              | Đinh Thị Phương Anh |                    |
| 53/TCHC                                            | Hồ sơ an toàn bức xạ                                                                                                   | 20 năm              | Đinh Văn Khương     |                    |
| 54/TCHC                                            | Hồ sơ quan trắc môi trường                                                                                             | 70 năm              | Phạm Thị Quy        |                    |
| 55/TCHC                                            | Hồ sơ về công tác xử lý rác thải y tế                                                                                  | 20 năm              | Phạm Thị Quy        |                    |
|                                                    | <b>7. Công nghệ thông tin</b>                                                                                          |                     |                     |                    |
| 56/TCHC                                            | Hồ sơ hoạt động công nghệ thông tin                                                                                    | 20 năm              | Lê Quốc Huy         |                    |
| 57/TCHC                                            | Hồ sơ công tác đường dây nóng                                                                                          | 10 năm              | Lê Quốc Huy         |                    |
| 58/TCHC                                            | Hồ sơ hoạt động trang điện tử Trung tâm                                                                                | 20 năm              | Lê Quốc Huy         |                    |
|                                                    | .....                                                                                                                  |                     |                     | Hồ sơ dự kiến phát |
| <b>II. PHÒNG KẾ HOẠCH – NGHIỆP VỤ - ĐIỀU DƯỠNG</b> |                                                                                                                        |                     |                     |                    |
|                                                    | <b>1. Kế hoạch – Nghiệp vụ</b>                                                                                         |                     |                     |                    |

|         |                                                                                       |                       |                      |            |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|
| 01/KHNV | Tập lưu văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác kế hoạch | Theo hiệu lực văn bản | Phạm T Thanh Hương   |            |
| 02/KHNV | Hồ sơ về Kế hoạch giao chỉ tiêu y tế hàng năm                                         | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 03/KHNV | - Hồ sơ xây dựng kế hoạch phát triển Bệnh viện                                        | 20 năm<br>Vĩnh viễn   | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 04/KHNV | Hồ sơ về báo cáo thực hiện công tác y tế                                              | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 05/KHNV | Hồ sơ về kế hoạch công tác y tế                                                       | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 06/KHNV | Hồ sơ kiểm tra chất lượng Bệnh viện 6 tháng đầu năm                                   | 20 năm                | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 07/KHNV | Hồ sơ kiểm tra chất lượng bệnh viện hàng năm                                          | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 08/KHNV | Hồ sơ danh mục kỹ thuật                                                               | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 09/KHNV | Hồ sơ cải tiến chất lượng bệnh viện                                                   | 20 năm                | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 10/KHNV | Hồ sơ phòng, chống thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn                                       | 20 năm                | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 11/KHNV | Hồ sơ về công tác phòng, chống tham nhũng                                             | 70 năm                | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 12/KHNV | Hồ sơ tiêu chí quốc gia y tế xã                                                       | 70 năm                | Ngô Thị Hoài Thu     |            |
| 13/KHNV | Hồ sơ về tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn hàng năm                                 | 20 năm                | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 14/KHNV | Hồ sơ kiểm tra xã hàng quý                                                            | 10 năm                | Ngô Thị Hoài Thu     |            |
| 15/KHNV | Hồ sơ công tác phòng, chống ma túy                                                    | 70 năm                | Lê Thị Thanh Nhân    |            |
| 16/KHNV | Hồ sơ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực y tế                     | Vĩnh viễn<br>15 năm   | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 17/KHNV | Hồ sơ theo dõi sai sót chuyên môn, sự cố y khoa                                       | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 18/KHNV | Hồ sơ tăng chỉ tiêu giường bệnh                                                       | Vĩnh viễn             | Phạm Thị Thanh Hương |            |
| 19/KHNV | Hồ sơ đề án 1816                                                                      | 20 năm                | Phạm Thị Thanh Hương |            |
|         | .....                                                                                 |                       |                      | Hồ sơ phát |

|         |                                                                                                                                                         |                                      |                      |  |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|--|
|         | <b>2. Công tác thống kê</b>                                                                                                                             |                                      |                      |  |
| 20/KHNV | Hồ sơ báo cáo thống kê công tác y tế                                                                                                                    | Vĩnh viễn                            | Phạm Thị Phụng       |  |
| 21/KHNV | - Hồ sơ về báo cáo hoạt động công tác y tế<br>+ 01 tháng, 3 tháng,<br>+ 6 tháng, 9 tháng                                                                | 5 năm<br>20 năm                      | Phạm Thị Phụng       |  |
| 22/KHNV | Hồ sơ về báo cáo thống kê tai nạn thương tích                                                                                                           | 20 năm                               | Phạm Thị Thanh Hương |  |
| 23/KHNV | Hồ sơ báo cáo công tác khám sức khỏe người cao tuổi                                                                                                     | 20 năm                               | Phạm Thị Thanh Hương |  |
| 24/KHNV | Hồ sơ về báo cáo thống kê công tác y học cổ truyền                                                                                                      | 20 năm                               | Phạm Thị Thanh Hương |  |
| 25/KHNV | Hồ sơ về báo cáo nhanh công tác bệnh nhân tai nạn giao thông hàng tháng                                                                                 | 10 năm                               | Phạm Thị Thanh Hương |  |
| 26/KHNV | Hồ sơ kế hoạch, báo cáo công tác đột xuất                                                                                                               | 5 năm                                | Phạm Thị Thanh Hương |  |
| 27/KHNV | Hồ sơ trích sao bệnh án                                                                                                                                 | 20 năm                               | Nguyễn Thị Hạnh      |  |
| 28/KHNV | Hồ sơ kế hoạch, báo cáo công tác hồ sơ bệnh án                                                                                                          | 10 năm                               | Nguyễn Thị Hạnh      |  |
| 29/KHNV | Hồ sơ bệnh án đối với:<br>- Người bệnh tử vong;<br>- Người bệnh tâm thần;<br>- Tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt;<br>Nội trú, ngoại trú thông thường. | 30 năm<br>20 năm<br>15 năm<br>10 năm | Nguyễn Thị Hạnh      |  |
| 30/KHNV | Hồ sơ báo cáo công tác y tế đột xuất                                                                                                                    | 5 năm                                | Phạm Thị Thanh Hương |  |
|         | <b>3. Công tác Điều dưỡng</b>                                                                                                                           |                                      |                      |  |
| 31/KHĐD | Tập văn bản của các cơ quan cấp trên về công tác điều dưỡng                                                                                             | Theo hiệu lực văn bản                | Phạm Thị Quy         |  |
| 32/KHĐD | Hồ sơ hoạt động công tác dinh dưỡng hàng năm                                                                                                            | 20 năm                               | Phạm Thị Quy         |  |
| 33/KHĐD | Hồ sơ về công tác kiểm soát nhiễm khuẩn                                                                                                                 | 20 năm                               | Phạm Thị Quy         |  |
| 34/KHĐD | Hồ sơ về hoạt động công tác Điều dưỡng                                                                                                                  | 20 năm                               | Phạm Thị Quy         |  |
| 35/KHĐD | Hồ sơ về khảo sát hài lòng người bệnh                                                                                                                   | 5 năm                                | Phạm Thị Quy         |  |
| 36/KHĐD | Tập hồ sơ về bồi dưỡng tập huấn công tác điều dưỡng                                                                                                     | 20 năm                               | Phạm Thị Quy         |  |
| 37/KHĐD | Hồ sơ báo cáo công tác chăm sóc người bệnh và chống nhiễm khuẩn                                                                                         | 20 năm                               | Phạm Thị Quy         |  |



|         |                                                  |        |              |              |
|---------|--------------------------------------------------|--------|--------------|--------------|
| 38/KHĐD | Hồ sơ báo cáo công tác xã hội                    | 20 năm | Phạm Thị Quy |              |
| 39/KHĐD | Hồ sơ thực hiện công tác 5S, chống rác thải nhựa | 20 năm | Phạm Thị Quy |              |
| 40/KHĐD | Báo cáo đổi mới phong cách hải lòng người bệnh.  | 05 năm | Phạm Thị Quy |              |
| 41/KHĐD | Kế hoạch Hội thi kiến thức tay nghề.             | 05 năm | Phạm Thị Quy |              |
| 42/KHĐD | Bình phiếu chăm sóc.                             | 05 năm | Phạm Thị Quy |              |
| 43/KHĐD | Sổ họp Hội đồng người bệnh.                      | 05 năm | Phạm Thị Quy |              |
|         | .....                                            |        |              | Phát sinh HS |

### III. PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

|         |                                                                                        |                              |                  |  |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------|--|
| 01/TCKT | Tập văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành về công tác tài chính kế toán                    | Đến khi văn bản hết hiệu lực | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 02/TCKT | Hồ sơ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ                                                 | Vĩnh viễn                    | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 03/TCKT | Hồ sơ kế hoạch, báo cáo công tác tài chính, kế toán hàng năm                           | Vĩnh viễn                    | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 04/TCKT | Kế hoạch, báo cáo tài chính quyết toán Hàng năm Tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng           | Vĩnh viễn<br>20 năm          | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 05/TCKT | Tập chứng từ thanh toán các gói thầu                                                   | Vĩnh viễn                    | Bùi Thị Thuận    |  |
| 06/TCKT | Hồ sơ về văn bản trao đổi mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị                      | 10 năm                       | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 07/TCKT | Quyết định về phê duyệt kế hoạch, phê duyệt quyết toán mua sắm trang thiết bị hàng năm | Vĩnh viễn                    | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 08/TCKT | Các hồ sơ đấu thầu thuốc, mua sắm trang thiết bị, tài sản...                           | 20 năm                       | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 09/TCKT | Hồ sơ kiểm toán tại đơn vị - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác                       | Vĩnh viễn<br>10 năm          | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 10/TCKT | Sổ sách kế toán - Sổ tổng hợp - Sổ chi tiết                                            | 20 năm<br>10 năm             | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 11/TCKT | Công văn trao đổi về công tác tài chính, kế toán                                       | 10 năm                       | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 12/TCKT | Hồ sơ về kế hoạch, dự toán thu chi ngân sách, bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị, | 20 năm                       | Nguyễn Thị Duyên |  |
| 13/TCKT | Tập hồ sơ về xây dựng, sửa chữa, cải tạo đơn vị                                        | Vĩnh viễn                    | Nguyễn Thị Duyên |  |

|         |                                                                                         |                              |                  |                      |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------|----------------------|
| 14/TCKT | Hồ sơ sửa chữa nhỏ các công trình                                                       | 10 năm                       | Nguyễn Thị Duyên |                      |
| 15/TCKT | Hồ sơ báo cáo về tài sản, trang thiết bị hàng năm                                       | 10 năm                       | Bùi Thị Thuận    |                      |
| 16/TCKT | Tập văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành về công tác khám chữa bệnh, thanh quyết toán BHYT | Đến khi văn bản hết hiệu lực | Nguyễn Thị Xuân  |                      |
| 17/TCKT | Báo cáo tổng hợp tình hình thu nộp viện phí<br>- hàng năm<br>- Quý                      | Vĩnh viễn<br>10 năm          | Trương Duy Khánh |                      |
| 18/TCKT | Hồ sơ công tác thanh quyết toán BHYT                                                    | 20 năm                       | Trương Duy Khánh |                      |
|         | .....                                                                                   |                              |                  | HS dự kiến phát sinh |

#### IV . KHOA DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ - VTYT

|               |                                                                                         |                       |           |  |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--|
| 01/D-TTB-VTYT | - Tập văn bản của các cơ quan Bộ, Sở Y tế chỉ đạo, quy định, hướng dẫn về công tác Dược | Theo hiệu lực văn bản | Khoa Dược |  |
| 02/D-TTB-VTYT | Hồ sơ hoạt động công tác Dược hàng năm                                                  | Vĩnh viễn             | Khoa Dược |  |
| 03/D-TTB-VTYT | Hồ sơ mua thuốc gây nghiện thuốc thành phẩm hướng tâm thần                              | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 04/D-TTB-VTYT | Hồ sơ về hủy thuốc, vật tư y tế hư hỏng hết hạn                                         | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 05/D-TTB-VTYT | Hồ sơ về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tình hình sử dụng thuốc                            | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 06/D-TTB-VTYT | Hồ sơ mua vị thuốc YHCT                                                                 | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 07/D-TTB-VTYT | Hồ sơ đấu thầu thuốc của Bệnh viện                                                      | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 08/D-TTB-VTYT | Hồ sơ mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm                                          | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 09/D-TTB-VTYT | Hồ sơ hủy thuốc các chương trình y tế quốc gia, vắc xin                                 | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 10/D-TTB-VTYT | Báo cáo sử dụng thuốc BHYT                                                              | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 11/D-TTB-VTYT | Phiếu nhập, xuất kho thuốc BHYT                                                         | 20 năm                | Khoa Dược |  |
| 12/D-TTB-VTYT | Hồ sơ ban hành, điều tiết số lượng thuốc trúng thầu                                     | 20 năm                | Khoa Dược |  |

|               |                                                               |        |           |                      |
|---------------|---------------------------------------------------------------|--------|-----------|----------------------|
| 13/D-TTB-VTYT | Hồ sơ công bố cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng                 | 20 năm | Khoa Dược |                      |
| 14/D-TTB-VTYT | Hồ sơ ban hành danh mục thuốc đầu thầu tập trung              | 20 năm | Khoa Dược |                      |
| 15/D-TTB-VTYT | Hồ sơ đình chỉ lưu hành thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng | 10 năm | Khoa Dược |                      |
|               | .....                                                         |        |           | HS dự kiến phát sinh |

#### V. KHOA CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN

|           |                                                                                            |        |             |  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|
| 01/CSSKSS | Hồ sơ về quản lý các tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản | 20 năm | Khoa CSSKSS |  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------|--|

#### VI. KHOA DÂN SỐ - YTCC& DINH DƯỠNG

|               |                                                                                                     |                       |                |  |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|--|
| 01/DS-YTCC&DD | Tập văn bản của các cơ quan Bộ, Sở Y tế chỉ đạo, quy định, hướng dẫn về công tác Dân số-KHHGĐ       | Theo hiệu lực văn bản | Vũ Thị Hoà     |  |
| 02/DS-YTCC&DD | Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân số                                              | 20 năm                | Vũ Thị Hoà     |  |
| 03/DS-YTCC&DD | Hồ sơ thực hiện cung cấp các dịch vụ về Dân số-KHHGĐ                                                | 20 năm                | Vũ Thị Nụ      |  |
| 04/DS-YTCC&DD | Hồ sơ công tác truyền thông, giáo dục, vận động, phổ biến truyền thông về Dân số-KHHGĐ              | 10 năm                | Nguyễn Thị Lua |  |
| 05/DS-YTCC&DD | Hồ sơ kiểm tra và giám sát chuyên môn các hoạt động về Dân số-KHHGĐ                                 | 20 năm                | Nguyễn Thị Lua |  |
| 06/DS-YTCC&DD | Hồ sơ triển khai thực hiện các dự án thuộc Mục tiêu về Y tế-Dân số                                  | 20 năm                | Vũ Thị Hoà     |  |
| 07/DS-YTCC&DD | Hồ sơ triển khai thực hiện các dự án thuộc Chi cục Dân số-KHHGĐ                                     | 20 năm                | Nguyễn Thị Lua |  |
| 08/DS-YTCC&DD | Hồ sơ tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về công tác Dân số-KHHGĐ                  | 10 năm                | Vũ Trung Hiếu  |  |
| 09/DS-YTCC&DD | Hồ sơ triển khai chiến dịch tăng cường vận động, lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản-KHHGĐ | 20 năm                | Nguyễn Thị Lua |  |
| 10/DS-YTCC&DD | Hồ sơ hoạt động truyền thông hưởng ứng truyền thông người cao tuổi                                  | 20 năm                | Nguyễn Thị Lua |  |
| 11/DS-YTCC&DD | Hồ sơ triển khai các hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính                                     | 20 năm                | Nguyễn Thị Lua |  |

|               |                                                                               |        |                    |                      |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------|----------------------|
| 12/DS-YTCC&DD | Hồ sơ kế hoạch truyền thông sức khỏe sinh sản vị thành viên và bình đẳng giới | 20 năm | Nguyễn Thị Lua     |                      |
| 13/DS-YTCC&DD | Hồ sơ triển khai sử dụng hệ thống thông tin chuyên ngành dân số               | 20 năm | Nguyễn Thị Ngọc    |                      |
| 14/DS-YTCC&DD | Hồ sơ công tác vệ sinh môi trường                                             | 20 năm | Ngô Thị Hoài Thu   |                      |
| 15/DS-YTCC&DD | Hồ sơ công tác truyền thông giáo dục sức khỏe                                 | 20 năm | Ngô Thị Hoài Thu   |                      |
| 16/DS-YTCC&DD | Hồ sơ công tác phòng, chống suy dinh dưỡng                                    | 20 năm | Đoàn Phạm Ngọc Anh |                      |
| 17/DS-YTCC&DD | Hồ sơ công tác Y tế học đường                                                 | 20 năm | Ngô Thị Hoài Thu   |                      |
| 18/DS-YTCC&DD | Hồ sơ công tác vitamin A, giun                                                | 20 năm | Nguyễn Thị Thảo    |                      |
| 19/DS-YTCC&DD | Hồ sơ triển khai hoạt động phòng chống tác hại của thuốc lá                   | 20 năm | Ngô Thị Hoài Thu   |                      |
|               | .....                                                                         |        |                    | HS dự kiến phát sinh |

#### VII. KHOA KIỂM SOÁT BỆNH TẬT&HIV/AIDS-ANTP

|              |                                                 |        |                   |  |
|--------------|-------------------------------------------------|--------|-------------------|--|
| 01/KSBT-ATTP | Hồ sơ triển khai công tác phòng chống dịch bệnh | 20 năm | Đỗ Thị Dung       |  |
| 02/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác phòng, chống sốt xuất huyết      | 20 năm | Đỗ Thị Dung       |  |
| 03/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác phòng, chống HIV/AIDS            | 20 năm | Lê Thị Thanh Nhân |  |
| 04/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác Lao                              | 20 năm | Phạm Thị Hiền     |  |
| 05/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác Sốt rét                          | 20 năm | Phạm Thị Hiền     |  |
| 06/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác Phong                            | 20 năm | Phạm Thị Hiền     |  |
| 07/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác phòng chống tay chân miệng       | 20 năm | Đỗ Thị Dung       |  |
| 08/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác bệnh không lây nhiễm             | 20 năm | Đỗ Thị Dung       |  |
| 09/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác phòng chống Sởi                  | 20 năm | Đỗ Thị Dung       |  |
| 10/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác Tiêm chủng mở rộng               | 20 năm | Đỗ Thị Dung       |  |
| 11/KSBT-ATTP | Hồ sơ công tác Vệ sinh an toàn thực phẩm        | 20 năm | Vũ Thị Kim Dung   |  |

**VIII. TÀI LIỆN TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, ĐOÀN THANH NIÊN**

|         |                                                                                                            |                                       |                     |               |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------|
|         | <b>1. Tổ chức Đảng</b>                                                                                     |                                       |                     |               |
| 01/ĐU   | Tập văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tổ chức Đảng cấp trên gửi chung đến các cơ quan (hồ sơ nguyên tắc)      | Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành | Trương Thị Hoa      |               |
| 02/ĐU   | Hồ sơ Đại hội                                                                                              | Vĩnh viễn                             | Trương Thị Hoa      |               |
| 03/ĐU   | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác<br>- Tổng kết năm, nhiệm kỳ<br>Tháng, quý, 6 tháng              | - Vĩnh viễn<br>- 10 năm               | Trương Thị Hoa      |               |
| 04/ĐU   | Hồ sơ về tiếp nhận, bàn giao công tác Đảng                                                                 | 10 năm                                | Trương Thị Hoa      |               |
| 05/ĐU   | Hồ sơ về hoạt động kiểm tra, giám sát                                                                      | 20 năm                                | Trương Thị Hoa      |               |
| 06/ĐU   | Hồ sơ đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng, Đảng viên                                                     | 70 năm                                | Trương Thị Hoa      |               |
| 07/ĐU   | Hồ sơ đảng viên                                                                                            | 70 năm                                | Mai Thị Thuý Dung   |               |
| 08/ĐU   | Sổ sách (đăng ký Đảng viên, Đảng phí, ghi biên bản)                                                        | 20 năm                                | Trương Thị Hoa      |               |
| 09/ĐU   | Công văn trao đổi về công tác Đảng                                                                         | 10 năm                                | Trương Thị Hoa      |               |
|         | .....                                                                                                      |                                       |                     | HS dự kiến ps |
|         | <b>2. Công đoàn</b>                                                                                        |                                       |                     |               |
| 01/CĐCS | Tập văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tổ chức Công đoàn cấp trên gửi chung đến các cơ quan (hồ sơ nguyên tắc) | Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 02/CĐCS | Hồ sơ Đại hội                                                                                              | Vĩnh viễn                             | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 03/CĐCS | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác<br>- Tổng kết năm, nhiệm kỳ<br>Tháng, quý, 6 tháng              | - Vĩnh viễn<br>- 10 năm               | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 04/CĐCS | Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, thực hiện nghị quyết của tổ chức Công đoàn                  | Vĩnh viễn                             | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 05/CĐCS | Tài liệu về tổ chức, nhân sự và các hoạt động của tổ chức Công đoàn                                        | Vĩnh viễn                             | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 06/CĐCS | Hồ sơ hội nghị viên chức, lao động hàng năm của đơn vị                                                     | Vĩnh viễn                             | Đinh Thị Phương Anh |               |

|         |                                                                                                          |                         |                     |               |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|---------------|
| 07/CĐCS | Sổ sách                                                                                                  | 20 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 08/CĐCS | Công văn trao đổi về công tác Công đoàn                                                                  | 10 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 09/CĐCS | Hồ sơ Công tác tài chính Công đoàn                                                                       | 20 năm                  | Bùi Thị Thuận       |               |
| 10/CĐCS | Hồ sơ kiểm tra, giám sát các năm                                                                         | 10 năm                  | Đinh Thị Phương Anh |               |
| 11/CĐCC | Hồ sơ công tác Nữ công                                                                                   | 10 năm                  | Vũ Thị Hoà          |               |
|         | .....                                                                                                    |                         |                     | HS dự kiến Ps |
|         | <b>3. Đoàn thanh niên</b>                                                                                |                         |                     |               |
| 01/ĐTN  | Tập văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tổ chức Đoàn cấp trên gửi chung đến các cơ quan (hồ sơ nguyên tắc).   | Đến khi VB hết hiệu lực | Đinh Văn Hạnh       |               |
| 02/ĐTN  | Hồ sơ Đại hội: Chương trình, KH và báo cáo công tác                                                      | Vĩnh viễn               | Lê Quốc Huy         |               |
| 03/ĐTN  | - Tổng kết năm, nhiệm kỳ<br>Tháng, quý, 6 tháng                                                          | Vĩnh viễn<br>10 năm     | Lê Quốc Huy         |               |
| 04/ĐTN  | Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, thực hiện nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Đoàn Thanh niên. | Vĩnh viễn               | Lê Quốc Huy         |               |
| 05/ĐTN  | Tài liệu về tổ chức, nhân sự và các hoạt động của Đoàn Thanh niên cơ quan.                               | 20 năm                  | Lê Quốc Huy         |               |
| 06/ĐTN  | Sổ sách.                                                                                                 | 20 năm                  | Lê Quốc Huy         |               |
| 07/ĐTN  | Công văn trao đổi về công tác Đoàn.                                                                      | 10 năm                  | Lê Quốc Huy         |               |
|         | .....                                                                                                    |                         |                     |               |

**Tổng số Danh mục hồ sơ này có 199 hồ sơ, bao gồm:**

- 45 hồ sơ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn
- 11 hồ sơ có thời hạn bảo quản 70 năm
- 01 hồ sơ có thời hạn bảo quản 50 năm
- 01 hồ sơ có thời hạn bảo quản 30 năm
- 97 hồ sơ có thời hạn bảo quản 20 năm
- 28 hồ sơ có thời hạn bảo quản 10 năm
- 13 hồ sơ có thời hạn bảo quản 5 năm ✓